



Thời Khóa Biểu Lớp
Học Kỳ 1 - Năm Học 08-09

Lớp: HOCLAI08 (Số Số: 100) - Ngoại ngữ
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/08 (Tuần 1)

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Thời Gian Học
Thời Khóa Biểu Học Tập										
902110	06			Toán cao cấp A3	515	Đặng Văn Quý	2	-----3456	TV103	06/10/08-07/12/08
902206	08			Vật lý đại cương B2	501	Nguyễn Triều Lan	2	-----3456	PV217	06/10/08-07/12/08
902605	08			Kinh tế học đại cương	569	Lê Vũ	2	-----3456	HD205	06/10/08-07/12/08
902621	19			Xã hội học	545	Võ Văn Việt	2	-----3456	RD401	06/10/08-12/10/08
903303	04			Kiểm nghiệm thú sản	492	Nguyễn Ngọc Tuấn	2	-----3456	PV337	20/10/08-09/11/08
903505	04			Bệnh Ký sinh trùng	150	Lê Hữu Khương	2	-----3456	PV337	17/11/08-30/11/08
902109	02			Toán cao cấp A2	808	Hồ Ngọc Kỳ	3	-----3456	HD205	06/10/08-07/12/08
902111	12			Toán cao cấp A4	515	Đặng Văn Quý	3	-----3456	TV201	06/10/08-07/12/08
902401	20			Môi trường và con người	666	Nguyễn Thị Mai	3	-----3456	HD305	06/10/08-07/12/08
902402	01			Sinh học đại cương A1	498	Lê Ngọc Thông	3	-----3456	TV301	06/10/08-07/12/08
902621	19			Xã hội học	545	Võ Văn Việt	3	-----3456	RD401	06/10/08-12/10/08
903505	04			Bệnh Ký sinh trùng	150	Lê Hữu Khương	3	-----3456	PV337	17/11/08-30/11/08
903512	03			Vi trùng và nấm	132	Trần Thị Bích Liên	3	-----3456	PV319	17/11/08-14/12/08
903102	04			Sinh hóa	148	Đỗ Hiếu Liêm	3	-----3456	PV217	27/10/08-30/11/08
903203	04			Di truyền đại cương	006	Võ Thị Tuyết	3	-----3456	PV223	20/10/08-23/11/08
902205	11			Vật lý đại cương A3	501	Nguyễn Triều Lan	4	-----3456	PV225	06/10/08-07/12/08
902306	03			Hóa phân tích	567	Nguyễn Thị Thanh Thúy	4	-----3456	PV323	06/10/08-07/12/08
902621	19			Xã hội học	545	Võ Văn Việt	4	-----3456	RD401	06/10/08-12/10/08
902622	20			Pháp luật đại cương	183	Lê Hữu Trung	4	-----3456	TV202	06/10/08-07/12/08
903303	04			Kiểm nghiệm thú sản	492	Nguyễn Ngọc Tuấn	4	-----3456	PV337	20/10/08-09/11/08
903505	04			Bệnh Ký sinh trùng	150	Lê Hữu Khương	4	-----3456	PV337	17/11/08-30/11/08
913610	05			Anh văn 2K	552	Nguyễn Thị Bình	4	-----3456	TV103	06/10/08-07/12/08
903102	04			Sinh hóa	148	Đỗ Hiếu Liêm	4	-----3456	PV217	27/10/08-30/11/08

Thời Khóa Biểu Lớp

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Thời Gian Học
902113	03			Toán cao cấp B2	617	Hà Thị Thảo Trâm	5	-----3456	TV201	06/10/08-07/12/08
902204	02			Vật lý đại cương A2	501	Nguyễn Triều Lan	5	-----3456	PV217	06/10/08-07/12/08
902307	05			Hoá học QLĐĐ	509	Lâm Ngọc ánh	5	-----3456	HD205	06/10/08-07/12/08
902621	19			Xã hội học	545	Võ Văn Việt	5	-----3456	RD401	06/10/08-12/10/08
903505	04			Bệnh Ký sinh trùng	150	Lê Hữu Khương	5	-----3456	PV323	17/11/08-30/11/08
903510	02			Siêu vi trùng thú y	132	Trần Thị Bích Liên	5	-----3456	PV225	17/11/08-14/12/08
903102	04			Sinh hóa	148	Đỗ Hiếu Liêm	5	-----3456	PV337	27/10/08-30/11/08
902115	03			Toán cao cấp C2	512	Đặng Thành Danh	6	-----3456	TV201	06/10/08-07/12/08
902621	19			Xã hội học	545	Võ Văn Việt	6	-----3456	RD401	06/10/08-12/10/08
903303	04			Kiểm nghiệm thú sản	492	Nguyễn Ngọc Tuấn	6	-----3456	PV337	20/10/08-09/11/08
903508	02			Mô phôi	123	Lâm Thị Thu Hương	6	-----3456	PV217	13/10/08-26/10/08
906123	06			Sinh hóa đại cương	148	Đỗ Hiếu Liêm	6	-----3456	HD205	06/10/08-07/12/08
903203	04			Di truyền đại cương	006	Võ Thị Tuyết	6	-----3456	PV223	20/10/08-23/11/08
902117	31			Xác suất thống kê A	755	Bùi Đại Nghĩa	7	-----3456	TV201	06/10/08-07/12/08
902303	04			Hóa đại cương B2	496	Nguyễn Vinh Lan	7	-----3456	TV301	06/10/08-07/12/08
902621	19			Xã hội học	545	Võ Văn Việt	7	-----3456	RD401	06/10/08-12/10/08
903505	04			Bệnh Ký sinh trùng	150	Lê Hữu Khương	7	-----3456	PV217	17/11/08-30/11/08
903508	02			Mô phôi	123	Lâm Thị Thu Hương	7	-----3456	PV217	13/10/08-26/10/08
903210	02			Thống kê sinh học	139	Trần Văn Chính	7	-----3456	PV327	20/10/08-14/12/08
903508	02			Mô phôi	123	Lâm Thị Thu Hương	8	1234-----	PV225	13/10/08-26/10/08
902414	03			Sinh học thực vật	637	Phạm Thị Huyền	8	-----7890-----	HD204	06/10/08-07/12/08
903508	02			Mô phôi	123	Lâm Thị Thu Hương	8	-----7890-----	PV337	13/10/08-26/10/08
Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB										
903518	L			Bệnh TN chung & gia cầm			*			06/10/08-07/12/08
902201	08		1	Thí nghiệm Lý	443	Lê Nguyễn Mai Anh	*			06/10/08-23/11/08
902201	09		2	Thí nghiệm Lý	443	Lê Nguyễn Mai Anh	*			06/10/08-23/11/08
902304	03		1	Thí nghiệm Hóa 1	495	Trần Hữu Tiếng	*			06/10/08-23/11/08
902304	04		2	Thí nghiệm Hóa 1	502	Nguyễn Văn Đồng	*			06/10/08-23/11/08
902406	02		1	Thí nghiệm sinh 1	513	Huỳnh Tiến Dũng	*			06/10/08-23/11/08

Thời Khóa Biểu Lớp

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Thời Gian Học
902406	03		2	Thí nghiệm sinh 1	637	Phạm Thị Huyền	*			06/10/08-23/11/08
902406	04		3	Thí nghiệm sinh 1	498	Lê Ngọc Thông	*			06/10/08-23/11/08
902406	05		4	Thí nghiệm sinh 1	513	Huỳnh Tiến Dũng	*			06/10/08-23/11/08
902506	01			Giáo dục thể chất - 1K	514	Đinh Thị Tuyết Hường	*			06/10/08-07/12/08
903516	02			Vi sinh đại cương			*			06/10/08-07/12/08
903209	02			Truyền tinh truyền phôi			*			06/10/08-07/12/08

Phòng đào tạo
Trưởng phòng

TP.HCM, Ngày 03 tháng 10 năm 2008
Người lập bảng

ThS.Trần Thanh Phong

Nguyễn Trọng Thể